xūn jué

勋爵

noun · lord; baron

Example Sentences

zhè wèi xūn jué zài yì huì zhōng fā biǎo le zhòng yào yǎn jiǎng
这位勋爵在议会 中 发表了 重 要演 讲。

This lord gave an important speech in parliament.

xūn jué de zhuāng yuán fēi cháng gǔ lǎo ér měi lì
勋爵的 庄 园非 常 古老而美丽。

The lord's manor is very ancient and beautiful.

Trace each character, then write the word on your own.

勋 勋 勋 勋 勋 勋 勋 勋 勋 勋 勋

勋

爵 爵 爵 爵 爵 爵 爵 爵 爵 爵 爵

爵 爵 爵 爵 爵 爵 爵 爵 爵